

Số: **03** /2023/QĐ-UBND

Trà Vinh, ngày **20** tháng 02 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về quản lý, sử dụng và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh Trà Vinh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

Căn cứ Luật Tổ chức quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Căn cứ Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Căn cứ Nghị định số 64/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Căn cứ Nghị định 125/2018/NĐ-CP ngày 19 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 64/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Căn cứ Nghị định số 117/2021/NĐ-CP ngày 22 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày

24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Căn cứ Nghị định số 33/2019/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Căn cứ Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Căn cứ Thông tư số 37/2018/TT-BGTVT ngày 07 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định quản lý, vận hành khai thác và bảo trì công trình đường bộ;

Căn cứ Thông tư số 39/2021/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Căn cứ Thông tư số 41/2021/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 37/2018/TT-BGTVT ngày 07 tháng 6 năm 2018 của Bộ Giao thông vận tải quy định quản lý, vận hành khai thác và bảo trì công trình đường bộ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về quản lý, sử dụng và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 3 năm 2023 và bãi bỏ Quyết định số 2357/QĐ-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2012 của UBND tỉnh Trà Vinh ban hành quy định về phân cấp quản lý và bảo trì đường bộ trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban ngành tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Bộ Giao thông vận tải;
- Thường trực Tỉnh ủy, Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT.UBND tỉnh;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế - Bộ GTVT;
- Các cơ quan thuộc UBND tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Website Chính phủ;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Trung tâm Tin học - Công báo;
- Các Phòng: THNV, NN;
- Lưu: VT, Phòng CNXD. 06

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Trung Hoàng

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TRÀ VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH
Về quản lý, sử dụng và bảo vệ kết cấu hạ tầng
giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh Trà Vinh
(Kèm theo Quyết định số **03**/2023/QĐ-UBND
ngày **20/02/2023** của UBND tỉnh)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về quản lý, sử dụng, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh Trà Vinh và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc quản lý, sử dụng và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

Quy định này không áp dụng đối với các đường trong phạm vi hành chính nội thành, nội thị.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc quản lý, sử dụng bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với đường tỉnh, đường huyện, đường xã trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được giải thích như sau:

1. *Đường bộ* gồm đường, cầu đường bộ, hầm đường bộ, bến phà đường bộ.
2. *Công trình đường bộ* gồm đường bộ, nơi dừng xe, đỗ xe trên đường bộ, đèn tín hiệu, biển báo hiệu, vạch kẻ đường, cọc tiêu, rào chắn, đảo giao thông, dải phân cách, cột cây số, tường, kè, hệ thống thoát nước, trạm kiểm tra tải trọng xe, trạm thu phí và các công trình, thiết bị phụ trợ đường bộ khác.
3. *Cơ quan quản lý đường bộ* là Sở Giao thông vận tải, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố (gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp huyện), Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp xã).
4. *Bảo trì công trình đường bộ* là tập hợp các công việc nhằm bảo đảm và duy trì sự làm việc bình thường, an toàn của công trình đường bộ theo quy định của thiết kế trong quá trình khai thác, sử dụng. Nội dung bảo trì công trình đường bộ có thể bao gồm một, một số hoặc toàn bộ các công việc sau: kiểm tra,

quan trắc, kiểm định chất lượng, bảo dưỡng và sửa chữa công trình nhưng không bao gồm các hoạt động làm thay đổi công năng, quy mô công trình đường bộ.

5. *Kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ* gồm công trình đường bộ, bến xe, bãi đỗ xe, trạm dừng nghỉ và các công trình phụ trợ khác trên đường bộ phục vụ giao thông và hành lang an toàn đường bộ.

6. *Đất của đường bộ* là phần đất trên đó công trình đường bộ được xây dựng và phần đất dọc hai bên đường bộ để quản lý, bảo trì, bảo vệ công trình đường bộ.

7. *Hành lang an toàn đường bộ*: là dải đất dọc hai bên đất của đường bộ (kể cả phần mặt nước dọc hai bên cầu, hầm, bến phà, cầu phao) nhằm bảo đảm an toàn giao thông và bảo vệ công trình đường bộ.

Chương II

PHÂN LOẠI, PHÂN CẤP QUẢN LÝ VÀ BẢO VỆ KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ

Điều 4. Phân loại mạng lưới đường bộ

1. Quốc lộ là đường nối liền Thủ đô Hà Nội với trung tâm hành chính cấp tỉnh; đường nối liền trung tâm hành chính cấp tỉnh từ ba địa phương trở lên; đường nối liền từ cảng biển quốc tế, cảng hàng không quốc tế đến các cửa khẩu quốc tế, cửa khẩu chính trên đường bộ; đường có vị trí đặc biệt quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của vùng, khu vực.

2. Đường tỉnh là đường nối trung tâm hành chính của tỉnh với trung tâm hành chính của huyện hoặc trung tâm hành chính của tỉnh lân cận; đường có vị trí quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

3. Đường huyện là đường nối trung tâm hành chính của huyện với trung tâm hành chính của xã, cụm xã hoặc trung tâm hành chính của huyện lân cận; đường có vị trí quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

4. Đường xã là đường nối trung tâm hành chính của xã với các ấp và đơn vị tương đương hoặc đường nối với các xã lân cận; đường có vị trí quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của xã.

5. Đường chuyên dùng là đường chuyên phục vụ cho việc vận chuyển, đi lại của một hoặc một số cơ quan, tổ chức, cá nhân.

Điều 5. Phân cấp quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ

1. Sở Giao thông vận tải quản lý, tổ chức xây dựng, nâng cấp, cải tạo, sửa chữa theo kế hoạch hàng năm, đảm bảo an toàn giao thông trên các tuyến Đường tỉnh.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý, tổ chức xây dựng, nâng cấp, cải tạo, sửa chữa, đảm bảo an toàn giao thông các tuyến đường huyện, tuyến đường xã, đường vào trung tâm các xã (đối với các tuyến chưa nâng lên Đường huyện).

3. Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý, tổ chức xây dựng, nâng cấp, cải tạo, sửa chữa, đảm bảo an toàn giao thông hệ thống đường xã khi được Ủy ban nhân dân cấp huyện giao nhiệm vụ.

4. Đường chuyên dùng do các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có đường chuyên dùng chủ quản, trực tiếp đầu tư, chủ quản chịu trách nhiệm quản lý, bảo trì, nâng cấp đảm bảo an toàn giao thông cho hoạt động chuyên dùng và phục vụ chung cho nhu cầu đi lại của nhân dân.

5. Đối với đường đê - đường giao thông kết hợp

a) Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn chịu trách nhiệm đầu tư, quản lý nâng cấp, cải tạo, sửa chữa, khai thác bảo dưỡng các hạng mục công trình: Thân đê kể cả hành lang bảo vệ hai bên đê, cầu cống giao thông điều tiết nước trên đường đê, các cống thoát nước, ngăn nước trên đường đê kết hợp đường giao thông trên đê.

b) Sở Giao thông vận tải chịu trách nhiệm đầu tư quản lý nâng cấp, cải tạo, sửa chữa, khai thác bảo dưỡng các hạng mục công trình: Toàn bộ phần mặt đường xe chạy lưu thông trên đường đê kết hợp đường giao thông trên đê.

6. Ban Quản lý khu kinh tế Trà Vinh quản lý, tổ chức xây dựng, nâng cấp, cải tạo, sửa chữa, theo kế hoạch hàng năm đảm bảo an toàn giao thông hệ thống cầu, đường được cơ quan nhà nước giao đầu tư xây dựng, quản lý khai thác.

Chương III

QUẢN LÝ, SỬ DỤNG, BẢO VỆ KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ ĐỐI VỚI ĐƯỜNG TỈNH, ĐƯỜNG HUYỆN, ĐƯỜNG XÃ

Điều 6. Sử dụng, khai thác đất của đường bộ và hành lang an toàn đường bộ đối với đường tỉnh, đường huyện, đường xã

1. Đất của đường bộ và đất hành lang an toàn đường bộ chỉ dành cho xây dựng công trình đường bộ; sử dụng, khai thác cho mục đích an toàn giao thông. Các công trình thiết yếu quy định tại khoản 1 Điều 12 Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải (gọi tắt là *Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT*) và điểm a khoản 5 Điều 1 Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải (gọi tắt là *Thông tư 35/2017/TT-BGTVT*) trường hợp không thể xây dựng bên ngoài phạm vi đất của đường bộ và đất hành lang an toàn đường bộ thì khi xây dựng phải đảm bảo các nguyên tắc theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Thông tư 50/2015/TT-BGTVT và được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận, cấp giấy phép.

2. Trường hợp công trình thiết yếu xây dựng bên ngoài phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, nếu ảnh hưởng đến an toàn giao thông, an toàn kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ phải được cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền có ý kiến chấp thuận.

3. Công trình thiết yếu không được ảnh hưởng đến công tác bảo trì, kết

cầu và công năng của công trình đường bộ, đảm bảo an toàn cho giao thông đường bộ đối với hệ thống đường tỉnh, đường huyện, đường xã và các công trình khác ở xung quanh.

4. Đối với các công trình nhà ở, sân bãi, đường dẫn ra vào của các tổ chức, cá nhân, khi xây dựng đầu nối vào đường giao thông không được cao hơn chiều cao vai đường giao thông hiện hữu và phải bố trí hệ thống thoát nước ngầm, không được đổ nước ra trực tiếp mặt đường giao thông nhằm để đảm bảo chất lượng nền, mặt đường và tuổi thọ các công trình giao thông.

5. Quy định chiều cao, khoảng cách trồng cây, hoa phục vụ Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Trà Vinh: Trường hợp trồng cây lương thực, hoa màu, cây ăn quả thì chiều cao của cây không cao quá 0,9m (so với mặt đường) ở đoạn nền đường đắp trong khu vực đường cong, nơi giao nhau của đường bộ, che khuất tầm nhìn; đối với đường đào thì phải trồng cách mép ngoài dải đất của đường bộ ít nhất là 6,0m theo quy định tại khoản 2 Điều 28 Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ (gọi tắt là *Nghị định số 11/2010/NĐ-CP*). Cây được trồng phải cách vai đường (mép ngoài cùng của lề đường) tối thiểu là 02m, khi chiều cao cây khoảng 03m thì tiến hành bấm ngọn để cho cây phát triển gốc nhanh và ổn định không bị lật, gãy. Không trồng cây trên lề đường làm che khuất cọc tiêu, biển báo, hạn chế tầm nhìn, đồng thời làm hư hỏng lề đường, mặt đường gây mất an toàn cho người và phương tiện tham gia giao thông. Đối với việc trồng hoa hai bên tuyến đường phục vụ xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Trà Vinh thì cho phép trồng các loại bông hoa trong phạm vi đất của đường bộ (bao gồm lề đường, mái taluy đất bảo vệ, bảo trì đường bộ) nhưng phải đảm bảo: Tổng chiều cao của cây, hoa không được cao hơn 50cm so với mặt đất; trồng thành cụm, không làm che khuất cọc tiêu, biển báo, thoát nước mặt đường và an toàn giao thông.

Điều 7. Thi công công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với đường tỉnh, đường huyện, đường xã đang khai thác

1. Công trình thiết yếu được chấp thuận xây dựng và cấp giấy phép thi công theo tại Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT, phải tháo dỡ, di dời và bàn giao mặt bằng kịp thời khi có yêu cầu của cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền mà không được bồi thường, hỗ trợ di chuyển phần công trình đã được chấp thuận xây dựng và cấp phép thi công; chủ đầu tư, chủ sở hữu hoặc người được giao quản lý, sử dụng công trình thiết yếu chịu toàn bộ trách nhiệm liên quan đến việc thi công công trình thiết yếu.

2. Trước khi trình cấp có thẩm quyền phê duyệt dự án, chủ đầu tư công trình thiết yếu đề nghị cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền xem xét, chấp thuận thi công công trình trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

3. Sau khi có văn bản chấp thuận thi công công trình thiết yếu của cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền, chủ đầu tư công trình thiết yếu phải: Hoàn

chỉnh hồ sơ thiết kế theo văn bản chấp thuận của cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền. Tổ chức thẩm định, thẩm tra, phê duyệt dự án xây dựng công trình theo quy định hiện hành và gửi đề nghị đến cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền cấp phép thi công công trình.

4. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát chất lượng thi công công trình thiết yếu ảnh hưởng đến an toàn giao thông, bền vững kết cấu công trình đường bộ. Tư vấn thiết kế, tư vấn giám sát thi công và nhà thầu thi công công trình thiết yếu phải có đủ năng lực hành nghề theo quy định.

a) Chủ đầu tư xây dựng công trình thiết yếu có trách nhiệm sửa chữa các hạng mục hoàn trả với cơ quan cấp giấy phép thi công; đồng thời phải quy định trong hợp đồng với nhà thầu thi công công trình thiết yếu nghĩa vụ thực hiện bảo hành chất lượng đối với các hạng mục hoàn trả công trình đường bộ; thời gian bảo hành, mức tiền bảo hành và các yêu cầu khác về bảo hành thực hiện theo quy định tại Điều 28, 29 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ (gọi tắt là *Nghị định số 06/2021/NĐ-CP*) quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng. Số tiền bảo hành chỉ được trả cho nhà thầu thi công xây dựng công trình thiết yếu sau khi có văn bản xác nhận hết bảo hành của chủ đầu tư và cơ quan quản lý đường bộ đã thực hiện cấp phép.

b) Chủ sở hữu hoặc người được giao quản lý công trình thiết yếu có trách nhiệm quản lý, bảo trì công trình theo quy định, đảm bảo an toàn công trình; không làm ảnh hưởng đến an toàn giao thông, an toàn công trình đường bộ, các công trình xung quanh và công tác bảo trì công trình đường bộ trong quá trình khai thác, sử dụng; chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu để xảy ra tai nạn khi thực hiện việc bảo dưỡng thường xuyên công trình thiết yếu; thực hiện việc đề nghị cấp giấy phép thi công khi sửa chữa định kỳ, nếu ảnh hưởng đến an toàn giao thông, bền vững công trình đường bộ theo quy định tại Điều này.

5. Công trình thiết yếu thi công trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ phải được cơ quan quản lý đường bộ bàn giao mặt bằng trước khi thi công và nghiệm thu hạng mục sau khi hoàn thành việc xây dựng.

6. Việc chấp thuận, cấp phép thi công xây dựng công trình thiết yếu thực hiện theo quy định tại khoản 4, 5, 6, 7 Điều 13 và khoản 2, 3, 4, 5 Điều 14 Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6, 7 Điều 1 Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

Điều 8. Thi công công trình thiết yếu trên các tuyến đường tỉnh, đường huyện, đường xã được xây dựng mới hoặc nâng cấp, cải tạo

1. Khi lập dự án thi công đầu tư mới hoặc nâng cấp, cải tạo hoặc nắn chỉnh tuyến, thi công tuyến tránh, chủ đầu tư dự án phải

a) Gửi thông báo đến Sở Giao thông vận tải; Ủy ban nhân dân cấp huyện; Ủy ban nhân dân cấp xã, chủ quản lý công trình có liên quan về thông tin cơ bản của dự án (như cấp kỹ thuật, quy mô, hướng tuyến, mặt cắt ngang, thời gian dự

kiến khởi công và hoàn thành) để các tổ chức có nhu cầu thi công các công trình thiết yếu được biết về dự án xây dựng.

b) Tổng hợp nhu cầu, đề xuất giải pháp bảo đảm an toàn, bền vững công trình của dự án đường bộ do ảnh hưởng của việc xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ báo cáo về cấp quyết định đầu tư để xem xét, quyết định.

c) Về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng: Căn cứ quyết định chủ trương đầu tư, phê duyệt dự án, báo cáo kinh tế kỹ thuật, trước khi khởi công xây dựng thì Chủ đầu tư thông báo khởi công xây dựng công trình gửi tới cơ quan chuyên môn về xây dựng theo phân cấp để phối hợp tổ chức kiểm tra nghiệm thu. Sau khi nhận được thông báo khởi công xây dựng của Chủ đầu tư, cơ quan chuyên môn về xây dựng sẽ có văn bản thông báo đến chủ đầu tư về kế hoạch kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng hoàn thành, thời gian số lần kiểm tra và kế hoạch kiểm tra thực hiện theo quy định tại điểm a, b, khoản 5 Điều 24 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ. Trước khi tổ chức nghiệm thu giai đoạn, hạng mục công trình, công trình xây dựng, đề nghị Chủ đầu tư chỉ đạo đơn vị giám sát công trình lập báo cáo về công tác giám sát thi công xây dựng công trình theo quy định tại khoản 5, Điều 19 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ (Mẫu Phụ lục IVa và Phụ lục IVb).

2. Tổ chức, cá nhân có nhu cầu thi công công trình thiết yếu có liên quan đến dự án xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo đường bộ trên các tuyến đường tỉnh, đường huyện, đường xã thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT.

3. Mọi chi phí phát sinh để thực hiện các giải pháp bảo đảm an toàn, bền vững công trình đường bộ khi thi công công trình thiết yếu gây ra do chủ đầu tư công trình thiết yếu chi trả.

Điều 9. Thi công biển quảng cáo tạm thời trong phạm vi hành lang an toàn đường bộ đang khai thác đối với đường tỉnh, đường huyện, đường xã

1. Việc lắp đặt biển quảng cáo trong hoặc ngoài hành lang an toàn đường bộ phải tuân theo các quy định của pháp luật về quảng cáo, về quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ và được chấp thuận, cấp phép thi công biển quảng cáo tạm thời trong phạm vi hành lang an toàn đường bộ như công trình thiết yếu. Tổ chức, cá nhân được phép lắp đặt biển quảng cáo chịu toàn bộ trách nhiệm liên quan do việc lắp đặt biển quảng cáo gây ra.

2. Giới hạn khoảng cách an toàn đường bộ theo chiều ngang của biển quảng cáo được xác định từ mép ngoài cùng của đất đường bộ đến điểm gần nhất của biển quảng cáo, tối thiểu bằng 1,3 lần chiều cao của biển quảng cáo (điểm cao nhất của biển) và không được nhỏ hơn 05 mét.

3. Giới hạn khoảng cách an toàn đường bộ theo chiều ngang của biển quảng cáo lắp đặt ngoài phạm vi đất dành cho đường bộ theo quy định tại khoản 2 Điều này. Nếu giới hạn này vi phạm, đơn vị quản lý đường bộ hoặc Thanh tra giao thông đường bộ yêu cầu tổ chức, cá nhân dừng việc lắp đặt biển quảng cáo và báo cáo về đơn vị cấp giấy phép để có biện pháp xử lý theo quy định.

Điều 10. Thi công công trình đường bộ trong phạm vi đất dành cho đường bộ đang khai thác đối với đường tỉnh, đường huyện, đường xã

1. Trước khi trình cấp có thẩm quyền phê duyệt dự án xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo công trình đường bộ trong phạm vi đất dành cho đường bộ, chủ đầu tư phải thực hiện đề nghị chấp thuận quy mô, giải pháp thiết kế đến cơ quan có thẩm quyền để được xem xét, có ý kiến.

2. Chủ đầu tư hoặc nhà thầu thi công công trình đường bộ trong phạm vi đất dành cho đường bộ đang khai thác phải gửi văn bản đề nghị cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền cấp giấy phép thi công bảo đảm an toàn giao thông được thực hiện theo quy định tại khoản 3, 4, 5 Điều 18 Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT.

3. Đối với các dự án nâng cấp, cải tạo đường bộ đang khai thác do đơn vị quản lý tuyến đường làm chủ đầu tư, không phải đề nghị cấp giấy phép thi công; nhưng trước khi thi công, chủ đầu tư hoặc nhà thầu thi công phải gửi đến cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền các thông tin như: Quyết định phê duyệt dự án, hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công được duyệt kể cả phương án thi công, biện pháp tổ chức thi công bảo đảm an toàn giao thông để cơ quan quản lý đường bộ xem xét, thỏa thuận bằng văn bản về thời gian thi công, biện pháp tổ chức bảo đảm an toàn giao thông khi thi công.

4. Tổ chức, cá nhân quản lý, bảo trì đường bộ làm công tác bảo dưỡng thường xuyên phải nghiêm chỉnh thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn giao thông trong suốt quá trình thực hiện.

Điều 11. Yêu cầu công tác quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ

1. Đường bộ sau khi hoàn thành đầu tư xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo, sửa chữa lớn, sửa chữa vừa phải được nghiệm thu, bàn giao, tổ chức quản lý, bảo trì. Thời gian thực hiện quản lý, bảo trì được tính từ ngày chủ đầu tư, chủ quản lý khai thác ký biên bản nghiệm thu bàn giao đưa công trình vào khai thác.

2. Công tác quản lý, bảo trì đường bộ thực hiện theo quy định của quy trình bảo trì, tiêu chuẩn kỹ thuật, định mức quản lý, bảo trì được cơ quan có thẩm quyền quy định.

3. Quy trình bảo trì đường bộ

a) Đối với những dự án đường bộ xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo áp dụng công nghệ mới, vật liệu mới; dự án có chuyển giao công nghệ mới, thì việc lập quy trình bảo trì do nhà thầu thiết kế hoặc nhà thầu cung cấp thiết bị kỹ thuật

lập, bàn giao cho cơ quan quản lý đường bộ hoặc tổ chức, cá nhân bảo trì, khai thác đường bộ cùng với hồ sơ hoàn công. Chi phí cho việc lập quy trình bảo trì được tính vào tổng mức đầu tư của dự án.

Đối với dự án có chuyển giao công nghệ về quản lý khai thác, phải hoàn thành tổ chức đào tạo trước khi bàn giao dự án.

Các dự án có thiết bị, nhà cung cấp thiết bị phải bàn giao quy trình công nghệ vận hành, bảo quản, quy định an toàn lao động và phòng ngừa cháy nổ.

b) Đối với các công trình đường bộ không thuộc điểm a khoản 3 Điều này, thì các tổ chức, cá nhân thực hiện công tác quản lý, bảo trì đường bộ theo các tiêu chuẩn kỹ thuật và các quy định hiện hành.

c) Đối với công trình đầu tư theo hình thức: BOT (xây dựng - kinh doanh - chuyển giao), BTO (xây dựng - chuyển giao - kinh doanh), BT (xây dựng - chuyển giao), nhà đầu tư phải căn cứ quy mô đầu tư để lập quy trình bảo trì, gửi tới cơ quan nhà nước có thẩm quyền ký kết và thực hiện hợp đồng dự án theo quy định.

4. Nhà thầu thực hiện công tác bảo trì đường bộ phải thực hiện đầy đủ yêu cầu về an toàn, vệ sinh và môi trường theo quy định sau

a) Khi thực hiện công tác bảo trì phải được cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền cấp phép thi công, chấp thuận phương án đảm bảo giao thông. Nhà thầu phải có biện pháp, tiến độ, bố trí thời gian và tổ chức thi công hợp lý, đủ biển báo hiệu, đèn tín hiệu giao thông, phân luồng, phân làn và có người gác hướng dẫn giao thông đảm bảo cho người, phương tiện tham gia giao thông qua lại an toàn, thông suốt.

b) Trong thời gian thi công thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường, an toàn lao động, phòng chống cháy nổ.

5. Công tác bảo trì đối với sửa chữa định kỳ hoặc bước 2 quy định tại khoản 3, 4 Điều 13 Quy định này sau khi nghiệm thu, bàn giao cho chủ quản lý khai thác (cơ quan quản lý đường bộ) phải được bảo hành trong thời gian 12 tháng (mười hai tháng). Đối với công tác bảo dưỡng thường xuyên, phải đảm bảo hoạt động hiệu quả, an toàn đúng tiêu chuẩn kỹ thuật.

Điều 12. Nội dung công tác quản lý đường bộ

1. Lưu trữ, quản lý và khai thác hồ sơ hoàn công công trình xây dựng mới, sửa chữa định kỳ, sửa chữa đột xuất.

2. Quản lý hồ sơ, tài liệu kỹ thuật có liên quan

a) Đối với cầu đường bộ: Gồm các tài liệu trích hồ sơ hoàn công như: Bình đồ, mặt cắt dọc, mặt cắt ngang cầu, mặt cắt địa chất, hồ sơ mốc lộ giới, hồ sơ kiểm định, hồ sơ cấp phép thi công; lập sổ lý lịch cầu, cập nhật kết quả các đợt kiểm tra, các dự án sửa chữa định kỳ, sửa chữa đột xuất; sổ tuần tra, kiểm tra cầu.

b) Đối với đường bộ, kè bảo vệ đường bộ, cống trên đường bộ: Gồm các tài liệu trích hồ sơ hoàn công như: Bình đồ, mặt cắt dọc, mặt cắt ngang, mặt cắt địa chất, hồ sơ đèn bù giải phóng mặt bằng, hồ sơ mốc lộ giới, hồ sơ cấp phép thi công; lập bình đồ duỗi thẳng và lập các biến động về tổ chức giao thông sử dụng đất dành cho đường bộ, sổ tuần đường, cập nhật kết quả các đợt kiểm tra, các dự án sửa chữa định kỳ, sửa chữa đột xuất.

c) Đối với bến phà đường bộ: Gồm các tài liệu trích hồ sơ hoàn công như: Bình đồ (kể cả bình đồ bố trí phao tiêu, đèn tín hiệu hướng dẫn giao thông thủy khi đi qua khu vực bến phà), tổ chức giao thông, mặt cắt dọc, mặt cắt ngang bến, hồ sơ mốc lộ giới, hồ sơ cấp phép thi công; cập nhật các thay đổi về luồng, về lưu lượng người, phương tiện tham gia giao thông; các thay đổi về tổ chức giao thông, kết quả kiểm tra và dự án sửa chữa định kỳ.

3. Kiểm tra theo dõi tình trạng hệ thống đường

a) Các hạng mục cần được kiểm tra theo dõi: Mặt đường, hệ thống thoát nước, mái taluy, nền đường, các công trình trên đường.

b) Các hình thức kiểm tra

- Kiểm tra thường xuyên: Hàng ngày, hàng tuần, hàng tháng do các thành viên trong đội bảo dưỡng thực hiện.

- Kiểm tra định kỳ: Tháng, quý, năm do cán bộ có trình độ chuyên môn được đào tạo thuộc đơn vị quản lý thực hiện.

- Kiểm tra đột xuất: Sau mỗi đợt lụt, bão hoặc các tác động bất thường khác cần phải thực hiện kiểm tra đột xuất, xem xét và xác định nguyên nhân để có giải pháp kỹ thuật sửa chữa phù hợp.

4. Phân loại và đánh giá tình trạng kỹ thuật các công trình cầu, cống.

5. Thực hiện đếm xe, phân tích số liệu và đánh giá sự tăng trưởng của lưu lượng, kiểu loại xe và kiểm soát tải trọng xe.

6. Lập biểu mẫu theo dõi số vụ tai nạn, xác định ban đầu nguyên nhân từng vụ tai nạn, thiệt hại do tai nạn. Phối hợp với lực lượng công an, chính quyền địa phương để giải quyết tai nạn giao thông theo thẩm quyền.

7. Đảm bảo an toàn giao thông khi thi công trên đường bộ đang khai thác, thường xuyên rà soát, điều chỉnh hệ thống báo hiệu đường bộ cho phù hợp; lập hồ sơ xử lý điểm đen, xử lý và theo dõi hiệu quả xử lý điểm đen.

8. Tổ chức, thực hiện quản lý, bảo vệ công trình đường bộ. Phối hợp với công an, thanh tra giao thông và chính quyền địa phương quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

9. Thực hiện chế độ báo cáo theo quy định về sở chuyên ngành của tỉnh.

Điều 13. Nội dung bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ

1. Công tác bảo trì đường bộ bao gồm: Bảo dưỡng thường xuyên; sửa chữa định kỳ và sửa chữa đột xuất.

2. Bảo dưỡng thường xuyên là công việc hàng ngày hoặc theo định kỳ hàng tuần hoặc hàng tháng hoặc hàng quý, nhằm theo dõi tình trạng đường bộ, đưa ra giải pháp ngăn chặn hư hỏng, sửa chữa kịp thời những hư hỏng nhỏ ảnh hưởng đến chất lượng đường bộ, duy trì tình trạng làm việc bình thường của đường bộ để bảo đảm giao thông an toàn, thông suốt.

3. Công tác sửa chữa định kỳ là công tác sửa chữa hư hỏng đường bộ theo thời hạn quy định, kết hợp khắc phục một số khuyết tật của đường bộ xuất hiện trong quá trình khai thác, nhằm khôi phục tình trạng kỹ thuật ban đầu và cải thiện điều kiện khai thác của đường bộ (nếu cần thiết). Công tác sửa chữa định kỳ bao gồm sửa chữa vừa và sửa chữa lớn; giữa hai kỳ sửa chữa lớn có ít nhất một lần sửa chữa vừa.

a) Đối với đường bộ, thời hạn sửa chữa vừa và sửa chữa lớn đường bộ được quy định theo loại kết cấu mặt đường và lưu lượng xe tính toán thiết kế mặt đường theo bảng dưới đây (Thông tư số 37/2018/TT-BGTVT ngày 07/6/2018 của Bộ GTVT).

TT	Loại kết cấu mặt đường	Thời hạn sửa chữa vừa (năm)	Thời hạn sửa chữa lớn (năm)
1	Bê tông nhựa	5	15
2	Bê tông xi măng	8	25
3	Đá dăm trộn nhựa	4	12
4	Thấm nhập nhựa và láng nhựa	4	10
5	Đá dăm	3	5
6	Cấp phối	3	5

b) Đối với cầu đường bộ

- Cầu tạm: Công tác sửa chữa định kỳ phải căn cứ vào kết quả kiểm tra định kỳ.

- Các cầu khác: Công tác sửa chữa định kỳ phải căn cứ vào kết quả kiểm tra định kỳ, kết quả kiểm định.

c) Đối với bến phà: Ngoài sửa chữa theo quy trình vận hành khai thác phù hợp với quy định, phải sửa chữa định kỳ căn cứ vào kết quả kiểm tra định kỳ.

4. Công tác sửa chữa đột xuất là sửa chữa các sự cố hư hỏng đường bộ do thiên tai lụt, bão hoặc các sự cố bất thường khác gây ra. Đơn vị quản lý đường bộ trực tiếp phải chủ động lập phương án, khẩn trương huy động mọi lực lượng về nhân lực, thiết bị, vật tư để tổ chức phân luồng, khắc phục đảm bảo giao

thông và báo cáo nhanh về cơ quan quản lý đường bộ để được hỗ trợ. Sửa chữa đột xuất được chia làm hai bước như sau:

a) Bước 1: Thực hiện sửa chữa khôi phục đường bộ khẩn cấp, đảm bảo thông xe nhanh nhất và hạn chế thiệt hại công trình đường bộ. Bước 1 được thực hiện đồng thời vừa xử lý, vừa lập hồ sơ để hoàn thiện thủ tục làm cơ sở thanh quyết toán.

b) Bước 2: Xử lý tiếp theo bước 1, nhằm khôi phục đường bộ theo quy mô, tiêu chuẩn kỹ thuật như trước khi xảy ra sự cố hoặc bền vững hóa, kiên cố hóa công trình. Bước 2 được thực hiện theo trình tự, thủ tục quy định về quản lý đầu tư và xây dựng.

Điều 14. Áp dụng tiêu chuẩn kỹ thuật, định mức công tác quản lý, bảo trì đường bộ

1. Tiêu chuẩn kỹ thuật và định mức sửa chữa định kỳ, sửa chữa đột xuất đường bộ: Áp dụng theo quy định, quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật và định mức như quy định đối với công trình xây dựng cơ bản.

2. Tiêu chuẩn kỹ thuật và định mức bảo dưỡng thường xuyên đường bộ

a) Áp dụng theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về bảo dưỡng thường xuyên đường bộ hiện hành.

b) Áp dụng theo định mức bảo dưỡng thường xuyên đường bộ.

c) Các định mức duy tu, bảo dưỡng tương tự khác không có trong định mức nêu tại điểm b Khoản này, áp dụng các định mức tương ứng của ngành khác.

Điều 15. Kinh phí để thực hiện quản lý và bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ

1. Đối với hệ thống đường tỉnh, đường huyện: Hàng năm cơ quan quản lý đường bộ được phân cấp quản lý lập dự toán kế hoạch quản lý bảo trì gửi Sở Tài chính cân đối kế hoạch vốn báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét phê duyệt.

2. Đối với hệ thống đường xã, đường vào trung tâm các xã, đường trục chính nội đồng, đường ngõ xóm (nếu có): Ủy ban nhân dân cấp huyện hàng năm lập kế hoạch quản lý bảo trì theo phân cấp trình Hội đồng nhân dân huyện xem xét phê duyệt.

3. Đường chuyên dùng do đơn vị chủ quản, đầu tư xây dựng và chịu trách nhiệm tự quản lý.

Chương IV

ĐẦU NỐI ĐƯỜNG NHÁNH VÀO ĐƯỜNG BỘ ĐỐI VỚI ĐƯỜNG TỈNH, ĐƯỜNG HUYỆN

Điều 16. Đầu nối đường nhánh vào đường tỉnh, đường huyện

1. Đường nhánh đầu nối vào đường tỉnh bao gồm các loại sau

- a) Đường đô thị, đường huyện, đường xã.
- b) Đường chuyên dùng: Đường lâm nghiệp, đường phục vụ thi công, đường khu công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, đường nối trực tiếp từ công trình đơn lẻ.
- c) Đường gom, đường nối từ đường gom.
- d) Đường dẫn ra vào cửa hàng xăng dầu.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện

a) Căn cứ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội và kế hoạch phát triển giao thông vận tải của địa phương để lập danh mục các điểm đầu nối vào đường tỉnh. Đường nhánh được đầu nối vào đường tỉnh phải theo danh mục điểm đầu nối đã được Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt sau khi có văn bản thỏa thuận của Sở Giao thông vận tải.

b) Có trách nhiệm thống kê đường nhánh đã đầu nối vào đường tỉnh và lập kế hoạch xử lý phù hợp với danh mục các điểm đầu nối đã được phê duyệt.

3. Cao độ đường ra, vào của mặt bằng xây dựng cửa hàng xăng dầu hoặc các công trình đơn lẻ phải đảm bảo thoát nước trong khu vực và thấp hơn cao độ mặt đường.

4. Quy định đối với các tuyến đường nhánh đầu nối vào đường tỉnh, đường huyện

a) Trong khu vực đô thị: Khoảng cách tối thiểu giữa hai điểm đầu nối liền kề nhau vào đường tỉnh, đường huyện, đường xã thực hiện theo quy hoạch đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và các quy định hiện hành về quản lý đô thị.

b) Ngoài khu vực đô thị: Các điểm đầu nối vào đường tỉnh, đường huyện thực hiện theo quy hoạch đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt hoặc có văn bản chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền.

c) Đối với dự án khu đô thị, khu công nghiệp, khu kinh tế, khu dân cư, khu thương mại dịch vụ và các công trình khác phải có hệ thống đường gom nằm ngoài phạm vi hành lang an toàn đường bộ. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm xây dựng hệ thống đường gom, không được sử dụng đất dành cho đường bộ để làm công trình phụ trợ đường đầu nối; trường hợp cần phải sử dụng đất dành cho đường bộ để làm đường đầu nối vào đường tỉnh, đường huyện thì phải thực hiện đúng vị trí điểm đầu nối được Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định theo thẩm quyền. Việc thiết kế, xây dựng nút giao điểm đầu nối phải tuân thủ theo yêu cầu của quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật và yêu cầu thiết kế đường ô tô hiện hành, bảo đảm khả năng thông hành và an toàn giao thông, đồng thời không làm ảnh hưởng đến khả năng thoát nước của tuyến đường,...

d) Trong quá trình tiếp nhận hồ sơ thủ tục xin đầu nối đường nhánh vào đường tỉnh, đường huyện, phải được rà soát, kiểm tra hồ sơ thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức giao thông, hồ sơ đề nghị cấp phép thi công xây dựng nút

giao đầu nối đường nhánh vào đường tỉnh, đường huyện phải tuân thủ quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành về yêu cầu thiết kế đường ô tô, đảm bảo an toàn giao thông và khả năng thông hành của đường tỉnh, đường huyện,... tuân thủ quy định tại Nghị định 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010, Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03/9/2013, Nghị định số 64/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2013, Nghị định số 125/2018/NĐ-CP ngày 19/9/2018, Nghị định số 117/2021/NĐ-CP ngày 22/12/2021 của Chính phủ và Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015, Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT ngày 09/10/2017, Thông tư số 13/2020/TT-BGTVT ngày 29/6/2020, Thông tư số 39/2021/TT-BGTVT ngày 31/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải).

Điều 17. Danh mục các điểm đầu nối vào đường tỉnh

Danh mục các điểm đầu nối bao gồm việc xác định vị trí và hình thức giao cắt giữa đường tỉnh với các đường nhánh để xây dựng các nút giao và phương án tổ chức giao thông nhằm bảo đảm an toàn giao thông và bảo vệ công trình đường bộ. Nội dung cơ bản của công tác lập danh mục các điểm đầu nối như sau

1. Thu thập thông tin về cấp kỹ thuật hiện tại và cấp kỹ thuật theo quy hoạch của đường cần đầu nối.

2. Khảo sát, thống kê: Các đường nhánh hiện có theo quy định tại khoản 4 Điều 16 Quy định này; xác định các điểm đầu nối đường nhánh đã được và chưa được Sở Giao thông vận tải tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận đối với đường tỉnh.

3. Danh mục các điểm đầu nối vào mỗi tuyến đường được lập thành bộ hồ sơ riêng để thuận tiện cho việc theo dõi, quản lý. Hồ sơ các điểm đầu nối gồm:

a) Thuyết minh các điểm đầu nối

- Hiện trạng các điểm cần đầu nối: Quy mô tuyến, điểm đầu, điểm cuối; tình hình sử dụng hành lang an toàn đường bộ và an toàn giao thông trên đoạn tuyến.

- Bản giải trình lý do các điểm đầu nối trong danh mục nhưng không đảm bảo khoảng cách tối thiểu giữa hai điểm đầu nối theo Quy định này.

- Quy hoạch phát triển đô thị đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt thuộc các đô thị có tuyến đường tỉnh ngang qua (nếu có).

b) Danh mục các điểm đầu nối

- Bản tổng hợp hiện trạng các điểm đầu nối và danh mục các vị trí dự kiến đầu nối vào đường tỉnh.

- Bình đồ thể hiện các vị trí dự kiến đầu nối.

4. Thỏa thuận danh mục các điểm đầu nối vào đường tỉnh: Ủy ban nhân dân cấp huyện và các tổ chức, cá nhân gửi văn bản đề nghị thỏa thuận kèm theo 01 bộ hồ sơ danh mục các điểm đầu nối vào đường tỉnh, gửi về Sở Giao thông

vận tải có ý kiến bằng văn bản và Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm lập và trình hồ sơ xác định các điểm đầu nối vào đường tỉnh trên địa bàn tỉnh, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt.

Điều 18. Phê duyệt và thực hiện quản lý danh mục điểm đầu nối đường tỉnh

1. Phê duyệt và thực hiện danh mục điểm đầu nối

a) Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm lập danh mục các điểm đầu nối vào từng tuyến đường tỉnh và thỏa thuận với Sở Giao thông vận tải. Sau khi có văn bản thỏa thuận của Sở Giao thông vận tải đối với đường tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt danh mục các điểm đầu nối vào đường tỉnh và gửi hồ sơ về Sở Giao thông vận tải để phối hợp thực hiện.

b) Khi cần xây dựng mới hoặc cải tạo, nâng cấp, mở rộng điểm đầu nối có trong danh mục, thì phải căn cứ văn bản chấp thuận sử dụng điểm đầu nối của đơn vị quản lý đường bộ; tổ chức, cá nhân sử dụng điểm đầu nối lập hồ sơ theo quy định tại Điều 16 Quy định này.

2. Nút giao điểm đầu nối vào đường tỉnh đang khai thác chỉ được thi công sau khi được cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền chấp thuận thiết kế, phương án tổ chức giao thông và cấp giấy phép thi công theo quy định.

Điều 19. Danh mục các điểm đầu nối vào đường huyện

Đối với các điểm đầu nối vào đường huyện: Căn cứ quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, căn cứ vào khoảng cách điểm đầu nối và cấp đường quy hoạch, Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm xây dựng danh mục các điểm đầu nối cho phù hợp.

Chương V

TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ, BẢO VỆ KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ ĐỐI VỚI ĐƯỜNG TỈNH, ĐƯỜNG HUYỆN, ĐƯỜNG XÃ

Điều 20. Trách nhiệm của Sở Giao thông vận tải

1. Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh có liên quan, Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức triển khai thực hiện và tuyên truyền, phổ biến, theo dõi, kiểm tra, đôn đốc các tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc triển khai thực hiện Quy định này.

2. Thực hiện trách nhiệm liên quan đến việc chấp thuận, cấp giấy phép thi công trên hệ thống đường tỉnh theo Quy định này. Kiểm tra, thanh tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

3. Xây dựng kế hoạch, tổ chức khắc phục hư hỏng công trình đường bộ trên các tuyến đường tỉnh.

4. Chỉ đạo lực lượng Thanh tra giao thông chủ trì, phối hợp với đơn vị quản lý đường bộ, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã thực hiện công tác quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ thuộc phạm vi trách nhiệm được giao.

5. Chấp thuận, cấp, thu hồi giấy phép thi công, đình chỉ các hoạt động gây mất an toàn giao thông, an toàn công trình đường bộ trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông trên các tuyến đường tỉnh.

6. Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh có liên quan đôn đốc, kiểm tra và tổ chức thực hiện Quy định này.

Điều 21. Trách nhiệm của Công an tỉnh

1. Chỉ đạo lực lượng công an kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật về bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ theo thẩm quyền.

2. Phối hợp với Sở Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp huyện, các đơn vị quản lý đường bộ xây dựng kế hoạch, phương án đảm bảo trật tự an toàn giao thông, thực hiện công tác giải tỏa, cưỡng chế các trường hợp vi phạm hành lang an toàn đường bộ trên địa bàn tỉnh.

3. Phối hợp với Sở Giao thông vận tải xác định danh mục, lập phương án bảo vệ các công trình đường bộ quan trọng, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và tổ chức thực hiện.

Điều 22. Trách nhiệm của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

1. Phối hợp với Sở Giao thông vận tải, các sở, ban, ngành tỉnh có liên quan, địa phương thực hiện phương án mạng lưới giao thông, thủy lợi, đường đê kết hợp giao thông đảm bảo phù hợp với Quy hoạch tỉnh, xác định phạm vi lộ giới gắn với phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi, đề điều đối với những công trình thủy lợi có kết hợp với giao thông.

2. Hướng dẫn việc thực hiện phương án, quản lý và xây dựng hệ thống công trình thủy lợi, đề điều công trình tuyến ống cấp nước có liên quan đến công trình đường bộ; hướng dẫn việc sử dụng đất hành lang an toàn đường bộ để canh tác nông nghiệp, bảo đảm an toàn công trình đường bộ.

Điều 23. Trách nhiệm của Sở Tài chính

Hàng năm theo khả năng cân đối ngân sách, tham mưu cấp thẩm quyền bố trí kinh phí để thực hiện công tác quản lý, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ và kinh phí giải tỏa hành lang an toàn đường bộ theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

Điều 24. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến rộng rãi đến nhân dân các quy định về phạm vi đất dành cho đường bộ và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

2. Quản lý, bảo trì hệ thống đường bộ thuộc tuyến đường huyện, đường xã trên địa bàn huyện quản lý.

3. Quản lý việc sử dụng đất trong và ngoài hành lang an toàn đường bộ theo quy định của pháp luật; xử lý kịp thời các trường hợp lấn chiếm, sử dụng trái phép đất hành lang an toàn đường bộ.

4. Tổ chức thực hiện các biện pháp bảo vệ hành lang an toàn đường bộ, chống lấn chiếm, cưỡng chế tháo dỡ các công trình xây dựng trái phép để giải tỏa hành lang an toàn đường bộ.

5. Huy động lực lượng, vật tư, thiết bị để bảo vệ công trình, kịp thời khôi phục giao thông khi bị thiên tai lụt, bão hoặc các sự cố bất thường khác gây ra.

6. Giải quyết các tranh chấp, khiếu nại, tố cáo liên quan đến việc bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn huyện theo quy định của pháp luật.

Điều 25. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Tuyên truyền, phổ biến rộng rãi đến nhân dân các quy định về phạm vi đất dành cho đường bộ và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

2. Quản lý, bảo trì hệ thống đường bộ trên địa bàn xã theo phân cấp của Ủy ban nhân dân huyện.

3. Quản lý việc sử dụng đất trong và ngoài hành lang an toàn đường bộ theo quy định của pháp luật; phát hiện và xử lý kịp thời các trường hợp lấn chiếm, sử dụng trái phép đất đường bộ.

4. Huy động lực lượng, vật tư, thiết bị để bảo vệ công trình, kịp thời khôi phục giao thông khi bị thiên tai lụt, bão hoặc các sự cố bất thường khác gây ra.

5. Giải quyết các tranh chấp, khiếu nại, tố cáo liên quan đến việc bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn xã theo quy định của pháp luật.

Điều 26. Trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong công tác quản lý, bảo trì đường bộ

1. Tổ chức thực hiện công tác quản lý, bảo trì công trình đường bộ theo quy định tại Điều 7 Quy định này.

2. Phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời các hành vi vi phạm công trình đường bộ, sử dụng trái phép đất dành cho đường bộ.

3. Chịu trách nhiệm về chất lượng công trình đường bộ bị xuống cấp do không thực hiện quy trình bảo trì theo quy định.

Điều 27. Điều khoản thi hành

1. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu trong quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo các văn bản mới.

2. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh hoặc khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, cá nhân phản ánh kịp thời về Sở Giao thông vận tải để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./